

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 14 - 02 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Thanh Bình;
- Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 17/7/1981, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; vợ: Nguyễn Thị N; con: 03 con; tiền sự: không; tiền án: 01, tại Bản án số 62/2015/HSST ngày 13/11/2015, Toà án nhân dân huyện T xử phạt Nguyễn Văn S 03 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 22/02/2018, S chấp hành xong hình phạt tù, ngày 22/02/2016, S đã thi hành xong án phí hình sự và hình phạt bổ sung; nhân thân: Bản án số 27/HS-ST ngày 22/12/2003 của Toà án nhân dân huyện T xử phạt Nguyễn Văn S 18 tháng tù về tội Huỷ hoại tài sản và 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tài sản huỷ hoại trị giá 1.320.000đ, tài sản trộm cắp trị giá 1.312.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm qua kiểm tra hệ thống sổ sách lưu trữ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T không tìm thấy thông tin liên quan đến thi hành án của S. Bị cáo bị bắt tạm giữ , tạm giam từ ngày 24/9/2019 đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Chị Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

Người làm chứng: Ông Hứa Minh B, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ dân phố Khâu 2, phường S, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/9/2019, Nguyễn Văn S được em gái là chị Nguyễn Thị Thu M nhờ đi phô tô giấy tờ. Do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên trên đường đi phô tô, Nguyễn Văn S điều khiển xe máy đến thành phố K tìm mua ma túy để sử dụng cho nhu cầu nghiện của bản thân. Khi đi đến khu vực đường L, phường S, thành phố K, S gặp một người phụ nữ (là bạn nghiện ngoài xã hội, S không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này) đứng một mình ở ven đường. S đi đến gần và hỏi: “Có biết chỗ bán không?”, ý hỏi người phụ nữ có biết chỗ bán ma túy không, thì người phụ nữ trả lời “có” và rủ S góp tiền mua ma túy về sử dụng chung. Biết người phụ nữ này mua được ma túy giá rẻ nên S đồng ý, đưa cho người phụ nữ số tiền 100.000đ. Người phụ nữ cầm tiền rồi bảo S đứng chờ, còn người phụ nữ bỏ đi, khoảng 10 phút sau quay lại đưa cho S 01 gói giấy nhỏ, S hiểu đây là ma túy Heroine người phụ nữ vừa mua được, mục đích để sử dụng chung nên S nhận gói giấy và cầm ở tay trái rồi tiếp tục đứng đợi người phụ nữ đi mua xilanh. Khi người phụ nữ vừa đi mua xilanh thì S bị tổ công tác công an phường S làm nhiệm vụ kiểm tra hành chính, phát hiện. Quá trình kiểm tra thu giữ: Trên tay trái của Nguyễn Văn S 01 gói giấy có dòng kẻ màu xanh bên trong có chứa chất c ục bột màu trắng, được niêm phong ký hiệu A 1, S khai nhận là ma túy Heroine vừa mua được , mục đích sử dụng cho bản thân; ngoài ra còn tạm giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen; 01 xe máy BKS: 88K1-001.65.

Tại kết luận giám định số 1997 ngày 28/9/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc Kết luận: “*Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất , loại Heroine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,5139g không kể bao bì . Khối lượng Heroine trong 0,5139g mẫu là 0,1322g.*” Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định bao gồm 0,2447g mẫu và toàn bộ bao gói.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của S: Quá trình điều tra S khai nhận, S gặp một người phụ nữ ở ven đường và hỏi người này chỗ bán ma túy thì người này rủ bị cáo góp 100.000đ để mua ma túy về cùng sử dụng chung. S không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người phụ nữ này và không biết người phụ nữ này mua ma túy ở đâu. Do vậy, cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKSND VY ngày 07/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Nguyễn Văn S về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Thu M và người làm chứng ông Hứa Minh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục 63-75).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/9/2019). Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,2447g cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “*Mẫu trả*”; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu M 01 xe máy BKS: 88K1- 001.65; trả lại cho Nguyễn Văn S 01 điện thoại Oppo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo S không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn S tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

M 09 giờ ngày 24/9/2019, tại khu vực đường L, phường S, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn S có hành vi tàng trữ 01 gói ma túy Heroine có khối lượng 0,5139g để sử dụng cho nhu cầu nghiện hút của bản thân thì bị tổ công tác Công an phường S, thành phố Vĩnh Yên kiểm tra hành chính phát hiện, thu giữ của S 01 gói giấy bên trong chứa 0,5139g chất bột, cục màu trắng, qua giám định xác định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroine, khối lượng Heroine trong mẫu vật thu giữ là 0,1322g.

Hành vi của Nguyễn Văn S đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroin ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe của con người, làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 5 năm nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Bị cáo S là người có nhân thân xấu có 01 tiền án về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo. Song căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan trong vụ án:

Đối với người phụ nữ mà S góp 100.000đ để người phụ nữ này đi mua ma túy về cùng sử dụng chung với S. Người phụ nữ này là bạn nghiện ngoài xã hội,

S không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người phụ nữ này và không biết người phụ nữ mua ma túy ở đâu. Do vậy, cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý là đúng pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với 0,2447g cùng toàn bộ bao gói là mẫu vật hoàn lại sau giám định, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy BKS: 88K1- 001.65, quá trình điều tra xác định: S mua chiếc xe máy này năm 2010 và đăng ký đứng tên S, chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng S. Năm 2015, khi S đang chấp hành án phạt tù, do không có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng S thống nhất bán chiếc xe máy trên cho chị Nguyễn Thị Thu M (em gái của S) với giá 11.500.000đ để lấy tiền trang trải sinh hoạt gia đình. Chị Nguyễn Thị N (vợ của S), là người trực tiếp bán xe cho chị M, hai bên không viết giấy tờ gì. Ngày 24/9/2019, chị M cho S mượn chiếc xe máy này để nhờ S đi phô tô giấy tờ, việc S sử dụng chiếc xe máy để đi mua ma túy, chị M không biết và không liên quan nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Xác định chiếc xe máy trên là tài sản của chị Nguyễn Thị Thu M, nên cần trả lại cho chị M chiếc xe máy trên là có căn cứ và hợp pháp.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo thu giữ của Nguyễn Văn S, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại là của S, sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo S là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 02 (Hai) năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/9/2019).

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,2447g cùng toàn bộ bao gói là mẫu vật hoàn lại sau giám định; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu M 01 xe máy BKS: 88K1- 001.65 (đã cũ); trả lại cho Nguyễn Văn S 01 điện thoại Oppo (đã cũ) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2020).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố K;
- Công an thành phố K;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án K;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đường

